

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21QKDTHA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Giải thích

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221007	Đinh Hoà	Bảo	13/04/2003	Nam	8.0	5.3	6.8	001	Huao	
2	112221008	Nguyễn Hoàng	Bé	01/01/2003	Nam	9.0	4.3	6.8	002	Ph	
3	112221009	Nguyễn Thị Hồng	Châm	20/08/2002	Nữ	10.0	3.0	6.5	003	Ph	
4	112221012	Trang Văn	Cường	02/10/2003	Nam	6.9	3.0	5.0	004	unc	
5	112221031	Trần Văn	Hậu	01/11/2003	Nam	9.5	4.0	6.8	005	Ph	
6	112221032	Lê Gia	Hoàng	2003	Nam	7.2	3.8	5.5	006	Ph	
7	112221039	Phùng Minh	Kha	07/05/2003	Nam	8.8	6.0	7.4	007	Ph	
8	112221040	Đặng Đồng An	Khang	12/01/2000	Nam	7.2	2.8	5.0	008	An	
9	112221045	Châu Anh	Kiệt	12/12/2003	Nam	7.2	3.3	5.3	009	Ph	
10	112221055	Kiến Hoàng	Mai	31/07/2003	Nữ	8.5	2.0	5.3	010	Hong	
11	112221069	Trương Hồng	Ngọc	03/01/2003	Nữ	10.0	5.5	7.8	011	Ph	
12	112221081	Đặng Thị Mộng	Nhi	19/02/2003	Nữ	9.8	3.5	6.6	012	Ph	
13	112221090	Phạm Thị Hồng	Phúc	24/07/2003	Nữ	9.0	5.3	7.2	013	Ph	
14	112221096	Phan Phạm Thu	Quyên	15/02/2003	Nữ	10.0	3.5	6.8	014	Ph	
15	112221097	Nguyễn Mai Tú	Quyên	22/02/2003	Nữ	8.8	3.5	6.1	015	Ph	
16	112221100	Thạch	Tài	12/10/2003	Nam	8.8	4.3	6.5	106	Ph	
17	112221101	Lê Võ Anh	Tài	16/09/2002	Nam	/	/	/	/	Ph	Vắng
18	112221102	Nguyễn Thúy	Tâm	15/07/2003	Nữ	8.6	4.5	6.6	018	Ph	
19	112221105	Phùng Mạnh	Tân	27/04/2002	Nam	7.6	2.8	5.2	019	Ph	
20	112221112	Lương Thị Thu	Thảo	16/04/2003	Nữ	9.8	4.3	7.1	020	Ph	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Laik Cao Dương Phức (Khan)

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Grân Ghi Sen

Cán bộ kiểm tra: Laik

Nguyễn Thị Lãnh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21QKDTHA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023Phòng thi: 071.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221117	Võ Trí	Thịnh	24/10/2003	Nam	8.7	3,0	5.9	001		
2	112221126	Võ Hồng Anh	Thư	09/05/2003	Nữ	6.3	✓	✓	✓	✓	
3	112221129	Thái Thị Mỹ	Tiên	16/12/2003	Nữ	10.0	5,0	7.5	003		
4	112221133	Lê Thị Hồng	Trang	28/07/2003	Nữ	9.7	5,0	7.4	004		
5	112221136	Huỳnh Thị Kiều	Trình	15/12/2002	Nữ	9.5	3,3	6.4	005		
6	112221137	Trương Thị Cẩm	Tú	18/10/2003	Nữ	9.0	3,3	6.4	006		
7	112221143	Nguyễn Hoài	Việt	27/11/2003	Nam	7.8	3,3	5.6	007		
8	112221157	Lê Thị Phương	Duyên	10/09/2003	Nữ	9.3	3.8	6.6	008		
9	112221162	Lê Á	Phụng	01/11/2003	Nữ	9.0	4,5	6.8	009		
10	112221189	Huỳnh Ôn	Nhiên	13/09/2003	Nam	8.7	2,8	5.8	010		
11	112221191	Chau Phék	Tra	17/08/2000	Nam	7.3	2,8	5.1	011		
12	112221231	Nguyễn Võ Thế	Anh	29/03/2003	Nam	8.4	4,8	6.6	014		
13	112221265	Đặng Thành	Thật	16/10/2003	Nam	8.7	5,0	6.9	012		
14	112221268	Nguyễn Thị Đăng	Thư	17/08/2003	Nữ	8.7	3,3	6.0	013		
15	112221324	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	27/09/2002	Nam	8.2	3,3	5.8	015		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14Tổng số tờ: ✓Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Chí SơnCán bộ kiểm tra: ✓Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21QKDTHB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

28 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐT1-110 (Jhs0)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221014	Lưu Vũ	Đặng	05/03/2003	Nam	7.8	3.3	5.5	001	<u>Đu</u>	
2	112221017	Nguyễn	Dương	22/10/2003	Nam	7.3	4.3	5.8	002	<u>Đ</u>	
3	112221027	Lê Phước	Hạnh	14/11/2003	Nữ	9.0	4.3	6.7	003	<u>Đu</u>	
4	112221030	Nguyễn Phúc	Hậu	08/03/2003	Nam	9.1	5.5	7.3	004	<u>Đu</u>	
5	112221043	Huỳnh Hoàng	Khôi	02/12/2003	Nam	7.7	3.0	5.4	005	<u>Đu</u>	
6	112221051	Trình Khánh	Linh	30/04/2003	Nữ	9.4	4.0	6.7	006	<u>Đu</u>	
7	112221053	Mai Thanh	Lộc	09/10/2002	Nam	7.9	3.5	5.7	007	<u>Đu</u>	
8	112221054	Đặng Bảo	Long	03/09/2003	Nam	8.3	4.3	6.3	008	<u>Đu</u>	
9	112221056	Huỳnh Hoàng	Minh	14/06/2001	Nam	—	—	—	—	<u>Đu</u>	
10	112221061	Lê Thành	Nam	26/06/2003	Nam	9.3	3.0	6.2	010	<u>Đu</u>	
11	112221065	Ngô Thị Kim	Ngân	20/10/2003	Nữ	10.0	3.3	6.7	011	<u>Đu</u>	
12	112221106	Khru Minh	Tấn	10/12/2003	Nam	8.9	2.3	5.6	012	<u>Đu</u>	
13	112221115	Nguyễn Thị Minh	Thị	15/08/2003	Nữ	8.5	4.3	6.4	013	<u>Đu</u>	
14	112221116	Lâm Thị Ngọc	Thị	23/06/2003	Nữ	9.0	3.3	6.2	014	<u>Đu</u>	
15	112221120	Lâm Thị Anh	Thư	15/05/2002	Nữ	9.6	4.5	7.1	015	<u>Đu</u>	
16	112221128	Đỗ Thị Thảo	Tiên	06/11/2003	Nữ	10.0	4.3	7.2	016	<u>Đu</u>	
17	112221140	Dư Hoàng Anh	Văn	17/01/2003	Nam	9.1	4.5	6.8	017	<u>Đu</u>	
18	112221141	Lê Thị Nhựt	Vi	03/02/2003	Nữ	10.0	4.0	7.0	018	<u>Đu</u>	
19	112221146	Trần Ngọc	Xuyến	18/07/2003	Nữ	9.3	4.8	7.1	019	<u>Đu</u>	
20	112221169	Lê Thị Phương	Thanh	11/03/2003	Nữ	7.6	2.8	5.2	020	<u>Đu</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Đu

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đu

Cán bộ kiểm tra: Đu
Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

27/11

D71.114

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21QKDTHB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221176	Trần Thị Thủy Tiên	26/08/2003	Nữ	8.7	3,8	6.3	008	<u>[Signature]</u>		
2	112221177	Võ Phúc Thụy Hoàng Yến	28/04/2003	Nữ	9.7	4,8	7.3	009	<u>[Signature]</u>		
3	112221201	Ngô Quang Tín	20/11/2003	Nam	7.9	5,0	6.5	010	<u>[Signature]</u>		
4	112221238	Châu Nguyễn Như	20/09/2003	Nữ	10.0	4,5	7.3	007	<u>[Signature]</u>		
5	112221277	Lê Thị Hồng Thắm	31/07/2003	Nữ	9.4	4,3	6.9	011	<u>[Signature]</u>		
6	112221289	Nguyễn Thị Trúc Phương	04/03/2003	Nữ	9.3	5,8	7.6	012	<u>[Signature]</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06...

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: [Signature]

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21QTTC

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221015	Trần Ngọc Diệu	13/09/2003	Nữ	10.0	3.8	6.9	003	<u>duy</u>		
2	112221034	Lê Thị Cẩm Hồng	15/10/2002	Nữ	7.5	3.5	5.5	001	<u>H</u>		55 ^{al}
3	112221070	Lê Bảo Ngọc	25/07/2003	Nữ	8.5	3.8	6.2	004	<u>N</u>		
4	112221103	Sơn Đỗ Mỹ Tâm	04/01/2003	Nữ	8.0	4.3	6.2	005	<u>Thao</u>		
5	112221155	Thạch Quang Vinh	18/11/2003	Nam	7.7	3.0	5.4	006	<u>Quang</u>		
6	112221174	Nguyễn Hoàng Khoa	26/03/2003	Nam	8.4	2.8	5.6	007	<u>Khoa</u>		
7	112221187	Phạm Trường Sơn	23/11/2003	Nam	7.2	2.3	4.8	008	<u>Son</u>		
8	112221190	Phạm Hồng Thái	18/02/2003	Nam	9.2	5.0	7.1	009	<u>Thao</u>		
9	112221196	Nguyễn Gia Huy	30/06/2003	Nam	7.8	3.3	5.5	010	<u>Huy</u>		
10	112221203	Nguyễn Ngọc Anh Thư	17/12/2003	Nữ	8.7	4.5	6.6	011	<u>Thư</u>		
11	112221217	Trần Hoàng Phúc	22/12/2003	Nam	7.9	2.0	5.0	012	<u>Phuc</u>		
12	112221235	Nguyễn Hoàng Hiếu	21/05/2003	Nam	7.9	4.0	6.0	013	<u>Hieu</u>		
13	112221246	Đặng Thành Hiếu	30/11/2003	Nam	7.9	2.5	5.2	014	<u>Thao</u>		
14	112221257	Nguyễn Thị Tuyết Mai	28/07/2003	Nữ	7.4	3.0	5.2	015	<u>Mai</u>		
15	112221278	Nguyễn Phương Thuận	05/10/2003	Nam	6.0	—	—	017	<u>Thao</u>		9.0 ^{ay}
16	112221279	Lâm Nhựt Nam	27/11/2003	Nam	6.3	2.8	4.6	017	<u>Nam</u>		
17	112221285	Kiên Thị Thanh Ngân	17/03/2003	Nữ	8.0	3.8	5.9	002	<u>Thao</u>		
18	112221293	Lý Thị Chúc Linh	17/07/2003	Nữ	9.9	3.0	6.5	018	<u>Linh</u>		
19	112221317	Đoàn Thị Phước Thảo	20/12/2003	Nữ	8.2	2.0	5.1	019	<u>Thao</u>		
20	112221322	Nguyễn Thị Tuyết Nga	15/01/2003	Nữ	8.0	3.0	5.5	020	<u>Thao</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21QTTC

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: 071, 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi trợ SV	Gh chú
1	112221327	Nguyễn Khánh Tâm	18/12/2003	Nam	8.2	4.5	6.4	021			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ coi thi 3:

Cán bộ coi thi 4:

Cán bộ coi thi 5:

Cán bộ coi thi 6:

Cán bộ coi thi 7:

Cán bộ coi thi 8:

Cán bộ coi thi 9:

Cán bộ coi thi 10:

Cán bộ coi thi 11:

Cán bộ coi thi 12:

Cán bộ coi thi 13:

Cán bộ coi thi 14:

Cán bộ coi thi 15:

Cán bộ coi thi 16:

Cán bộ coi thi 17:

Cán bộ coi thi 18:

Cán bộ coi thi 19:

Cán bộ coi thi 20:

Cán bộ coi thi 21:

Cán bộ coi thi 22:

Cán bộ coi thi 23:

Cán bộ coi thi 24:

Cán bộ coi thi 25:

Cán bộ coi thi 26:

Cán bộ coi thi 27:

Cán bộ coi thi 28:

Cán bộ coi thi 29:

Cán bộ coi thi 30:

Cán bộ coi thi 31:

Cán bộ coi thi 32:

Cán bộ coi thi 33:

Cán bộ coi thi 34:

Cán bộ coi thi 35:

Cán bộ coi thi 36:

Cán bộ coi thi 37:

Cán bộ coi thi 38:

Cán bộ coi thi 39:

Cán bộ coi thi 40:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21QTMKT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27/11/2023

Phòng thi: 071, 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112221001	Trần Châu Bá An	08/06/2003	Nam	8.5	3.80	5.9	015	An		3.8 th
2	112221011	Huỳnh Thị Kim Cương	05/09/2003	Nữ	8.2	3.80	6.0	001	Cương		3.8 th
3	112221018	Phan Đình Duy	15/06/2003	Nam	9.0	3.5	6.3	002	Duy		
4	112221020	Thái Ngọc Giàu	16/01/2003	Nữ	7.9	3.0	5.5	016	Giàu		
5	112221028	Trần Trung Hào	28/06/2003	Nam	8.9	3.0	6.0	003	Hào		
6	112221037	Hà Quang Huy	09/10/2003	Nam	7.8	4.5	6.2	017	Huy		
7	112221047	Đặng Vinh Gia Kỳ	30/10/2003	Nam	6.3	4.80	5.6	047	Kỳ		4.8 th
8	112221059	Nguyễn Thị Diễm My	13/09/2002	Nữ	8.0	4.0	6.0	018	Diễm		
9	112221066	Hồ Nguyễn Thu Ngân	09/07/2003	Nữ	9.9	4.5	7.2	005	Ngân		
10	112221077	Nguyễn Thị Thiên Nhã	13/02/2003	Nữ	9.5	3.80	6.7	019	Nhã		3.8 th
11	112221078	Nguyễn Hoàng Nhân	13/09/2003	Nam							
12	112221080	Lâm Thị Tuyết Nhi	13/07/2003	Nữ	8.8	3.5	6.2	007	Nhi		
13	112221083	Huỳnh Hồng Nhiên	17/01/2003	Nữ	8.5	3.0	5.8	008	Nhiên		
14	112221086	Lê Thị Tố Như	19/09/2003	Nữ	9.4	4.80	7.1	009	Như		4.8 th
15	112221093	Trần Vinh Quang	12/08/2003	Nam	8.0	3.0	5.5	010	Quang		
16	112221108	Bùi Thị Thu Thảo	29/05/2003	Nữ	8.8	3.80	6.3	011	Thảo		3.8 th
17	112221111	Nguyễn Văn Thảo	17/01/2003	Nam	7.8	4.0	5.9	020	Thảo		
18	112221114	Phạm Thị Ngọc Thi	12/09/2003	Nữ	6.9	2.5	4.8	021	Thi		
19	112221119	Dương Thị Hồng Thư	19/12/2003	Nữ	9.0	3.80	6.4	012	Thư		3.8 th
20	112221125	Phan Thị Anh Thư	12/08/2003	Nữ	8.7	3.30	6.0	013	Thư		3.3 th
21	112221142	Nguyễn Trí Việt	25/04/2003	Nam	6.4	3.80	5.1	022	Việt		3.8 th
22	112221145	Đặng Bảo Vy	16/04/2003	Nữ	8.6	2.80	5.7	014	Vy		2.8 th
23	112221153	Phạm Như Bình	09/01/2003	Nữ	8.7	4.0	6.4	023	Bình		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 23

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ: 22

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chính

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21XYH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: 07.1.11.1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115321080	Lý Thị Kim	Thoa	24/06/2003	Nữ	9.9	6.3	8.1	016	<u>Kim</u>	
2	115321087	Dương Gia	Hân	18/12/2003	Nữ	10.0	5.8	7.9	017	<u>Gia</u>	
3	115321092	Nguyễn Hoàng Huy	Bình	22/01/2003	Nam	9.6	6.5	8.1	018	<u>Bình</u>	
4	115321093	Nguyễn Như	Ý	24/09/2003	Nữ	9.1	5.0	7.1	019	<u>Như</u>	
5	115321118	Tiêu Hoàng	Lực	09/02/2003	Nam	10.0	5.8	7.9	020	<u>Lực</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 05

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Trần Chí Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA20QKDTH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: 071.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112220147	Lê Nguyễn Tuyết Huỳnh	18/12/2002	Nữ	/	/	/	/	/	/	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00....

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21THA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: D11.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114321062	Son Thị Ái	08/02/2003	Nữ	9.9	4,3	7.1	013	<u>Ah</u>		
2	114321132	Trương Thị Kiều	11/01/2003	Nữ	9.8	4,0	6.9	014	<u>AP</u>		
3	114321187	Danh Thị Bích	04/06/2003	Nữ	9.4	3,8	6.6	015	<u>70</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21NCT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115521004	Lâm Tuấn Kiệt	31/12/2003	Nam	8.3	3,0	5.8	004	<u>Kiet</u>		
2	115521009	Sơn Thái Ngọc	21/01/2001	Nam	8.8	4,5	6.6	005	<u>Ngoc</u>		
3	115521012	Kim Trúc Linh	08/09/1999	Nam	8.8	3,8	6.3	006	<u>Phuoc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21KTMT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: Đ11.11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116721004	Nguyễn Việt Hùng	14/08/2002	Nam	6.3	3.8	5.1	003	<u>Trg</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01...

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đinh

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA22QKDB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐT1 M.A

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112222056	Ngô Đỗ Trọng Nhân	24/02/2004	Nam	10.0	4.0	7.0	017	<u>Ngô</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:.....

Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm:.....

Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA18QKDTHB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

24 / 11 / 2023

Phòng thi: 071.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112218214	Dương Quốc Duy	24/02/2000	Nam	8.8	4,3	6.5	001	<u>Đ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01...

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Đang trên tay Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phải

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (78 -)/DA21TTA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 11 / 2023

Phòng thi: DĐ1. 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110121107	Sĩ Chí Thiện	06/12/2003	Nam	7.8	3,3	5.6	016	<u>Thư</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 06 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Trần Thị Sen

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thư

Nguyễn Thị Lành